CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000 000 VND. (Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).
Số lượng cổ phiếu:	18.644.500 cổ phiếu.
Mệnh giá:	10.000 VND.
Mã chứng khoán:	VTG.

Trụ sở chính:

Địa chỉ:	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại:	(064) 3856445 – 3856446
Fax:	(064) 3856444
Email:	info@vungtautourist.com.vn
Website:	www.vungtautourist.com.vn

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 275F Phạm Ngũ Lão, Quận 01, TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà), thuốc lá điếu sản xuất trong nước, dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu, dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước, dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay; Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bãi tắm, bãi biển; Hoạt động thể thao dưới nước, .

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	18/05/2012
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Thành viên	18/05/2012

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	12/06/2015
Bà Dương Thị Huệ	Thành viên	12/06/2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	27/06/2014
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	12/06/2015
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên	12/06/2015

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012
Ông Nguyễn Hồng Ân	Phó Tổng Giám đốc	22/06/2012
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Tuấn Việt (bổ nhiệm ngày 22/06/2012).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TRẦN TUẤN VIỆT
Chủ tịch

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Số: 136/2016/BCSX-HCM.00768

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gởi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 14 tháng 4 năm 2016.

BÙI TUYẾT VÂN	**TRẦN THỊ HOÀNG YẾN**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**53.915.026.453**	**47.345.446.465**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**10.071.569.247**	**14.804.313.659**
Tiền	111		10.071.569.247	11.804 313.659
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**8.152.372.777**	**7.152.372.777**
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	18.821.032.777	18.821.032.777
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2.1	(12.768.660 000)	(12.768.660.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.2	2.100.000 000	1 100.000 000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**31.575.547.617**	**22.795.040.061**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	22.144.016.554	17.534.151.069
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.254 662.975	1.742 895.725
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5 5	7.700.000 000	3.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	10.446.288.807	11.287 413.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(10.969.420 719)	(10 969.420 719)
Hàng tồn kho	**140**	5.8	**1.371.730.800**	**1.382.484.552**
Hàng tồn kho	141		1.371 730.800	1.382 484.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.743.806.012**	**1.211.235.416**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9 1	488.546 962	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.255 259.050	1.211.235.416

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**195.650.951.696**	**193.676.610.345**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Tài sản cố định	**220**		**70.761.386.123**	**70.887.692.263**
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	70.761.386.123	70.887.692.263
Nguyên giá	222		129.980.993.568	128.349.817.026
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.219.607.445)	(57.462.124.763)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**346.984.178**	**346.984.178**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		346.984.178	346.984.178
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5.2.3	**116.702.937.117**	**113.180.717.524**
Đầu tư vào công ty con	251		51.095.840.000	51.095.840.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.203.529.593	5.551.600.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.712.466.741	63.842.176.741
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.308.899.217)	(7.308.899.217)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.839.644.278**	**9.261.216.380**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	7.839.644.278	9.261.216.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**249.565.978.149**	**241.022.056.810**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**72.866.455.156**	**63.864.113.003**
Nợ ngắn hạn	**310**		**43.718.928.026**	**30.110.285.398**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	5.045.874.929	3 155 018.431
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.573.761.396	699.270.228
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	11.282.051.356	7.563.746.401
Phải trả người lao động	314		-	23.849.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1 265.579 932	112.119.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	21.962.818.026	15.180.922 358
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	1.535.252.676	2.149 000.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	1.053.589.711	1.226 359.711
Nợ dài hạn	**330**		**29.147.527.130**	**33.753.827.605**
Phải trả dài hạn khác	337	5.16 2	11.408 170.917	16.014.471.392
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	17.739.356.213	17 739.356.213
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**176.699.522.993**	**177.157.943.807**
Vốn chủ sở hữu	**410**	5.19	**176.699.522.993**	**177.157.943.807**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186 445.000.000	186 445.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(20.983.786.726)	(20.525 365.912)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(20.525.365.912)	(25 358 156 658)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(458.420.814)	4.832 790 746
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**249.565.978.149**	**241.022.056.810**

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	NGUYỄN TẤN ĐẠT	TRẦN TUẤN VIỆT
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**61.720.269.343**	**54.033.975.233**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	**10**	6.1.1	**61.720.269.343**	**54.033.975.233**
Giá vốn hàng bán	**11**	6.2	**30.910.365.526**	**23.116.630.618**
Lợi nhuận gộp	**20**		**30.809.903.817**	**30.917.344.615**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.473.449.882	447.066.675
Chi phí tài chính	22	6.4	419.971 785	203 083.118
Trong đó: chi phí lãi vay	23		*275.996.387*	*203.083.118*
Chi phí bán hàng	25	6.5	12.955.642.357	12.542.500.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	20 155.290.194	20.781.127.998
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(1.247.550.637)**	**(2.162.300.254)**
Thu nhập khác	31	6.7	837.826.985	402.722.221
Chi phí khác	32		48.697.162	15.404.943
Lợi nhuận khác	**40**		**789.129.823**	**387.317.278**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(458.420.814)**	**(1.774.982.976)**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(458.420.814)**	**(1.774.982.976)**

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	NGUYỄN TẤN ĐẠT	TRẦN TUẤN VIỆT
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	**01**	**(458.420.814)**	**(1.774.982.976)**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.770 006.418	3.407.865.862
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1 849.255.849)	(265.333.256)
Chi phí lãi vay	06	275 996.387	203.083.118
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	***1.738.326.142***	***1.570.632.748***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.876.467.439	(2.151.475.176)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	10.753.752	64.834 976
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	3.779 748.303	2.640.740.209
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	923.118 140	2.019.077.134
Tiền lãi vay đã trả	14	(275.996.387)	(203.083.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.080.381.899)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(172.770.000)	(300.151.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**6.799.265.490**	**3.640.575.402**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.729.378.718)	(1 819 612.171)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	473.918.182	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	1.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.522.219.593)	(20.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.359.417.551	265.333.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(10.918.262.578)**	**(574.278.915)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	455.000.000	3.563 896.600
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.068.747.324)	(1.334.490.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(613.747.324)**	**2.229.406.000**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**	**(4.732.744.412)**	**5.295.702.487**
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	**60**	**14.804.313.659**	**4.149.184.943**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**70**	**10.071.569.247**	**9.444.887.430**

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	NGUYỄN TẤN ĐẠT	TRẦN TUẤN VIỆT
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND (Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Số lượng cổ phiếu:	18.644.500 cổ phiếu.
Mệnh giá:	10.000 VND.
Mã chứng khoán:	VTG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn gạo,
- Mua bán cá và thủy sản, mua bán lương thực;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phế phẩm vệ sinh, bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm,
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Mua bán thiết bị - dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây chì, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, áptômát), máy nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, bán buôn hóa chất dạng nguyên sinh (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép, bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn tổng hợp;
- Chở khách du lịch bằng xe xích lô;
- Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; Đại lý khai thuê hải quản,
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
- Dịch vụ kinh doanh massage, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu;
- Dịch vụ phòng hát karaoke, kinh doanh vũ trường; Dịch vụ bãi tắm, bãi biển;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà); Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia),
- Dịch vụ Bãi biển (đi du thuyền),
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động thể thao dưới nước, đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay;
- Dịch vụ giặt là;
- Dịch vụ trang trí phong cảnh;
- Dịch vụ chống mối mọt;
- Dịch vụ sửa chữa – bảo dưỡng trang thiết bị gia dụng, điều hòa không khí;
- In lụa, in Offset, in khắc gỗ, in ống đồng;
- Mua bán vải, hàng may sẵn. Mua bán giày dép; rèm, mành, ga trải giường, đồ thêu dệt;
- Mua bán xe ô tô (cũ và mới), Mua bán xe tải, rơ moóc, xe đặc chủng, xe địa hình, xe thể thao,
- Mua bán vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng;
- Mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ,
- Mua bán xăm lốp xe có động cơ, các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ (ắcquy);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu; Kinh doanh thiết bị chụp ảnh, tráng phim, tắm kính ảnh, máy quay camera cá nhân;
- Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, tơ, len thô), nông sản sơ chế (trừ hạt điều, bông vải);
- Mua bán sắt thép xây dựng, tôn và thép lá, khung nhôm, khung đồng;
- Cho thuê áo cưới, phông cưới, quay phim, chụp ảnh, nhạc cụ;
- Trang trí các buổi biểu diễn, tổ chức sự kiện và hội chợ;
- Cắt tóc, trang điểm;
- Dịch vụ các hoạt động nhiếp ảnh;
- Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt,
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Sản xuất các loại khăn lanh, khăn giấy;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất; và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất có hạ tầng để cho thuê lại;
- Dịch vụ vệ sinh nhà ở, công sở, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, hồ bơi, cống rãnh;
- Vận tải hành khách và khách du lịch bằng ô tô; và
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ áp dụng loại hình dịch vụ này cho: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Khu du lịch Biển Đông, địa chỉ: 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khách sạn Vũng Tàu – Sammy, địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.	50,07%	50,07%
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.	96,18%	96,18% (trong đó: 94,91% trực tiếp và 1,27% gián tiếp)

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyền Trân Công Chúa, Phường 08, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch, Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí.	26,53%	26,53%
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	35,00%	35,00%

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 275F Phạm Ngũ Lão, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 411 người (31/12/2015: 419 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ngân hàng nơi Công ty có giao dịch thường xuyên)
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ngân hàng nơi Công ty có giao dịch thường xuyên).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau.

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: Chi phí quảng cáo, bảo hiểm, ... được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm, .

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán cưa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính này có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

4.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan.

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Công ty con
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Công ty con
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ	710.466.521	792.120.350
Tiền gửi ngân hàng	9.361.102.726	11.012.193.309
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	3.000.000.000
	10.071.569.247	**14.804.313.659**

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu						
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giả [illegible]	16.368.660.000	-	(11.768.660.000)	16.368.660.000	-	(11.768.660.000)
Công ty cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	-	(1.000.000.000)	2.452.372.777	-	(1.000.000.000)
	18.821.032.777	**-**	**(12.768.660.000)**	**18.821.032.777**	**-**	**(12.768.660.000)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	12.768.660.000	15.768.660.000
Hoàn nhập trong kỳ/ năm	-	(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ/ năm	**12.768.660.000**	**12.768.660.000**

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng		
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	1.100.000.000	1.100.000.000
• Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Vũng Tàu	1.000.000.000	-
	2.100.000.000	**1.100.000.000**

5.2.3 Đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2016			01/01/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con							
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	(a)	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	-	-
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	(b)	9.800.000.000	-	-	9.800.000.000	-	-
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	(c)	37.295.840.000	(4.279.268.167)	-	37.295.840.000	(4.279.268.167)	-
		51.095.840.000	**(4.279.268.167)**	**-**	**51.095.840.000**	**(4.279.268.167)**	**-**
Đầu tư vào công ty liên kết							
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	(d)	5.013.529.593	-	-	4.361.600.000	-	-
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	(e)	1.190.000.000	-	-	1.190.000.000	-	-
		6.203.529.593	**-**	**-**	**5.551.600.000**	**-**	**-**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	31.463.080.000	-	-	28.602.790.000	-	-
Công ty cổ phần Lạc Việt	13.000.000.000	(1.860.441.050)	-	13.000.000.000	(1.860.441.050)	-
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	9.390.560.000	-	-	9.390.560.000	-	-
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	-	-	3.468.701.654	-	-
Công ty TNHH Nam Biển Đông	3.326.935.087	-	-	3.326.935.087	-	-
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.784.000.000	-	-	2.784.000.000	-	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	-	1.169.190.000	(1.169.190.000)	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	800.000.000	-	-	800.000.000	-	-
Công ty cổ phần San hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	-	-	800.000.000	-	-
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	500.000.000	-	-	500.000.000	-	-
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	-	-	-	-
	66.712.466.741	**(3.029.631.050)**	**-**	**63.842.176.741**	**(3.029.631.050)**	**-**

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con

a. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501853974 ngày 16 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đã góp 4.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang làm thủ tục giải thể.

b. Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 49003000221 thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 15.380.000.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 7.700.000 000 VND, tương đương 50,07% vốn điều lệ.

c. Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502213663 thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 39.295.840.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 37.295.840 000 VND, tương đương 94,91% vốn điều lệ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu góp 500.000.000 VND, tương đương 1,27% vốn điều lệ.

Công ty liên kết

d. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 49.000.000.000 VND; trong đó, Công ty cam kết góp 13 000.000.000 VND, tương đương 26,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đã góp 5.013.529.593 VND, tương đương 10,23% vốn điều lệ.

e. Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND; trong đó, Công ty cam kết góp 7.000.000.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đã góp 1.190.000 000 VND, tương đương 5,95% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông và Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con và các công ty liên kết

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở Thuyết minh số 8.1 2

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	2015
	VND	VND
Số đầu năm	7.308.899.217	6.193.734.671
Trích lập trong kỳ/ năm	-	1.115.164.546
Số cuối kỳ/ năm	**7.308.899.217**	**7.308.899.217**

Các cam kết của Công ty về góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày kết thúc kỳ tài chính 30 tháng 6 năm 2016

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		
		Vốn cam kết góp	Vốn đã góp đến 30/06/2016	Vốn chưa góp đến 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	5.013.529.593	7.986.470.407
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đam	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đam	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	9.390.560.000	2.609.440.000
Công ty TNHH Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	3.326.935.087	245.414.913
		49.072.350.000	**25.173.726.334**	**23.898.623.666**

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	3.940.571.092	3.985.451.530
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
HongKong CS Travel	2.544.354.250	-
Các khách hàng khác	13.084.780.772	10.974.389.099
	22.144.016.554	**17.534.151.069**

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho các nhà cung cấp khác		
DNTN Minh Tuấn	964.454.130	964.454 130
Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Đầu tư Xây dựng Thiên Lộc	705.820.250	-
Trả trước người bán khác	584.388.595	778 441 595
	2.254.662.975	**1.742.895.725**

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	7.700.000.000	3.200.000.000
	7.700.000.000	**3.200.000.000**

Chi tiết các khoản cho vay gồm:

Số hợp đồng	Ngày	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Số tiền (VND)
11/HĐVT	12/02/2015	31/12/2016	5,00%/năm	1.500.000 000
11B/HĐVT	10/06/2015	31/12/2016	5,00%/năm	500.000.000
03/HĐVT	28/08/2015	31/12/2016	5,00%/năm	700.000.000
03B/HĐVT	01/10/2015	31/12/2016	5,00%/năm	500.000.000
04/HĐVT	26/01/2016	31/12/2016	5,00%/năm	800.000 000
05/HĐVT	21/03/2016	31/03/2017	7,00%/năm	800 000 000
06/HĐVT	13/05/2016	31/05/2017	6,00%/năm	2 900.000.000
				7.700.000.000

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong – Lãi vay và các khoản ứng vốn, chi hộ	116.802 905	-	122.554.339	-
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu – Các khoản tiền ứng để góp vốn, ký quỹ, ứng tour và chi hộ	-	-	1.693.304.366	-
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân – Cổ tức	-	-	157 934 109	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản bảo hiểm nộp thừa	14.940.628	-	57 619 380	-
Tạm ứng nhân viên	4.318.748.160	(65 944.199)	2.589.330.970	(65.944.199)
Ký quỹ ngắn hạn	703.189.914	-	702.370.060	-
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu - Cổ tức	-	-	1.573.153.450	-
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn – Cổ tức	115.769.425	-	115.769.425	-
Phải thu khác	5.176.837.775	(233.588.045)	4.275.377.887	(233.588.045)
	10.446.288.807	**(299.532.244)**	**11.287.413.986**	**(299.532.244)**

5.7 Nợ xấu

	30/06/2016			01/01/2016		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND		VND	VND
Bên liên quan						
Công ty Cổ phần Giải trí thể thao Minh Đạm	Trên 2 năm	107.732.930	-	Từ 1 đến 2 năm	107.732.930	-
Các tổ chức và cá nhân khác						
- Phải thu tiền bán hàng						
Công ty TNHH Đông Hải	Trên 3 năm	1.676.387.500	(423 172.500)	Trên 3 năm	1.676.387.500	(423 172.500)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.985.451.530	(2.063.348.396)	Trên 3 năm	3.985.451.530	(2.063.348.396)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(669.850.473)	Trên 3 năm	2.466.577.510	(669.850.473)
Công ty TNHH Thiện Trân	Trên 3 năm	1.438 306 242	(1 438 306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1 438.306.242)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825 472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825 472.115)
Các tổ chức và cá nhân khác		4.975.656.812	(3.161.704.898)		4.975.656.812	(3.161.704.898)
- Trả trước tiền hàng	Trên 3 năm	1.088.033.851	(1.088.033.851)	Trên 3 năm	1.088.033.851	(1.088.033.851)
- Phải thu khác		1.757 035 713	(233.588.045)		1.757.035.713	(233.588.045)
- Tạm ứng		1.429.159.485	(65.944.199)		1.429.159.485	(65.944.199)
		20.749.813.688	**(10.969.420.719)**		**20.749.813.688**	**(10.969.420.719)**

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.969.420.719	10.899 321.443
Trích lập trong kỳ/ năm	-	70.099.276
Số dư cuối kỳ/ năm	**10.969.420.719**	**10.969.420.719**

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	510.915.831	-	539.707.004	-
Công cụ, dụng cụ	282.797.645	-	261.987.174	-
Hàng hóa	578.017.324	-	580.790.374	-
	1.371.730.800	**-**	**1.382.484.552**	**-**

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	488 546.962	-
	488.546.962	**-**

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi thế thương mại	2.284.586.619	3.381.188.187
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	2.298.099.345	1.591.873.335
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.243.106.919	2.832.847.686
Chi phí khác	1.013.851.395	1.455.307.172
	7.839.644.278	**9.261.216.380**

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2016	109.767.085.572	4.956.121.407	9.750.844.612	448.092.660	3.427.672.775	128.349.817.026
Mua sắm trong kỳ	3.006.350.082	76.065.000	646.963.636	-	-	3.729.378.718
Thanh lý	-	(295.206.390)	(1.802.995.786)	-	-	(2.098.202.176)
Vào ngày 30/06/2016	**112.773.435.654**	**4.736.980.017**	**8.594.812.462**	**448.092.660**	**3.427.672.775**	**129.980.993.568**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2016	46.321.298.718	3.118.765.542	5.305.514.448	395.616.470	2.320.929.585	57.462.124.763
Khấu hao trong kỳ	2.886.157.539	246.480.158	464.444.118	24.022.981	148.901.622	3.770.006.418
Thanh lý	-	(295.206.390)	(1.717.317.346)	-	-	(2.012.523.736)
Vào ngày 30/06/2016	**49.207.456.257**	**3.070.039.310**	**4.052.641.220**	**419.639.451**	**2.469.831.207**	**59.219.607.445**
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2016	63.445.786.854	1.837.355.865	4.445.330.164	52.476.190	1.106.743.190	70.887.692.263
Vào ngày 30/06/2016	**63.565.979.397**	**1.666.940.707**	**4.542.171.242**	**28.453.209**	**957.841.568**	**70.761.386.123**
Trong đó:						
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng						
Vào ngày 01/01/2016	*1.652.720.945*	*1.077.359.353*	*866.375.915*	*192.516.720*	*1.315.392.792*	*5.104.365.725*
Vào ngày 30/06/2016	*2.008.737.547*	*990.296.732*	-	*192.516.720*	*1.268.916.358*	*4.460.467.357*

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 33.103.503.843 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 2.740.610.440 VND. Khoản lỗ tính thuế này bắt nguồn từ năm 2013 với số tiền 3.323.492.314 VND, đã chuyển 582.881.874 VND vào lợi nhuận tính thuế năm 2014.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Lex Travel Pte Ltd	542.948.550	542.948.550	-	-
Cửa hàng Thanh Dương	241.100.400	241.100.400	241.187.400	241.187.400
Các nhà cung cấp khác	4.261.825.979	4.261.825.979	2.913.831.031	2.913.831.031
	5.045.874.929	**5.045.874.929**	**3.155.018.431**	**3.155.018.431**

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Trương Nguyễn Khuyến	310.000.000	-
Công ty Du lịch Bưu điện Bắc Kinh	225.263.400	-
Beijing Feimay International	230.346.600	-
Các khách hàng khác	808.151.396	699.270.228
	1.573.761.396	**699.270.228**

5.14 Thuế

	01/01/2016		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa	-	605.624.654	4.060.613.610	(3.507.730.174)	-	1.158.508.090
Thuế TTĐB hàng bán	-	8.039.487	76.258.741	(71.790.210)	-	12.508.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.174.877.151	-	-	(1.080.381.899)	2.255.259.050	-
Thuế thu nhập cá nhân	36.358.265	6.710.288	185.645.405	(138.706.697)	-	17.290.731
Tiền thuê đất	-	6.943.371.972	5.150.372.545	(2.000.000.000)	-	10.093.744.517
Các loại thuế khác	-	-	221.595.663	(221.595.663)	-	-
Cộng	**1.211.235.416**	**7.563.746.401**	**9.694.485.964**	**(7.020.204.643)**	**2.255.259.050**	**11.282.051.356**

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong nước của Công ty là 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế và tính toán của Ban lãnh đạo Công ty căn cứ vào đơn giá và diện tích đất thuê theo qui định hiện hành.

Công ty không ghi nhận tiền thuê đất số 209, đường Võ Thị Sáu , TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tiền thuê đất số 08, đường Thùy Vân, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do 2 lô đất này đang nằm trong qui hoạch, Công ty chưa được sử dụng và chưa hoàn tất được các thủ tục thuê đất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Năm 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(458.420.814)	(1.774.982.976)
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế:		
Chi phí không được trừ	48.697.162	15.404.943
Tổng thu nhập chịu thuế	(409.723.652)	(1.759.578.033)
Thu nhập được miễn thuế	(150.928.010)	(327.065.162)
Thu nhập tính thuế	**(560.651.662)**	**(2.086.643.195)**
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí thuê đất	214.286.200	-
Chi phí thuê mặt bằng, thuê nhà	396.042.500	-
Các chi phí khác	655.251.232	112.119.116
	1.265.579.932	**112.119.116**

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan		
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu – chi hộ	1.775.018 199	-
Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	112.673.972	42.009.803
Cổ tức phải trả	10.332.391.800	10.334.471.800
Ông Nguyễn Ngọc Mỹ - Tiền đặt cọc mua khoản đầu tư	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty cổ phần Novagroup	2.000.000.000	-
Ông Trần Duy Cương - ứng tiền mua chứng khoán	2.860.290.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.483.000	-
Phải trả khác	1.248.961.055	1.204.440.755
	21.962.818.026	**15.180.922.358**

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả dài hạn cho bên liên quan		
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân - Phải trả về tiền nhận chia khấu hao	4 857.922.480	4.760 985.087
Phải trả dài hạn các tổ chức, cá nhân khác		
Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền bán cổ phần tạm thu lúc cổ phần hóa	336.725.655	336.725.655
Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tạm ứng vốn kinh doanh	2.000.249.800	6.000.249.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.213.272.982	4.916.510.850
	11.408.170.917	**16.014.471.392**

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cá nhân ngắn hạn	455.000.000	455.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả				
• *Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu*	1.080.252.676	1.080.252.676	2.149.000.000	2.149.000.000
	1.535.252.676	**1.535.252.676**	**2.149.000.000**	**2.149.000.000**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ:

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số tiền vay trong kỳ VND	Thanh toán trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Vay cá nhân ngắn hạn	-	455.000.000	-	455.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.149.000.000	-	(1.068.747.324)	1.080.252.676
	2.149.000.000	**455.000.000**	**(1.068.747.324)**	**1.535.252.676**

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

		30/06/2016		01/01/2016	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn					
• *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu*	(*)	14.052.342.613	-	14.052.342.613	-
• *Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu*	(**)	3.687.013.600	3.687.013.600	3.687.013.600	3.687.013.600
		17.739.356.213	**3.687.013.600**	**17.739.356.213**	**3.687.013.600**

Chi tiết các khoản vay dài hạn

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoanh nợ.

(**) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu:

Hợp đồng tín dụng:	Số 880/KHTD/2013/4774
Hạn mức:	7.000.000 000 000 VND
Mục đích:	Đầu tư và bù đắp một phần chi phí sửa chữa, nâng cấp khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Thời hạn vay:	60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến 29/01/2018 Ân hạn trong 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên
Lãi suất vay:	Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm vay và được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần. Lãi suất vay bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 5%/năm. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau do ngân hàng công bố cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm (chỉ áp dụng trong trường hợp có biến động tiền tệ)
Tài sản đảm bảo:	Quyền sở hữu công trình xây dựng khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 599767, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 777472650900183 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008).

Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 4.767.266.276 VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dưới 1 năm	1.080.252.676	2 149.000 000
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	3.687.013.600	3.687.013.600
Trên 5 năm	14.052.342.613	14.052.342.613
	18.819.608.889	**19.888.356.213**

5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	6 tháng đầu năm 2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.226.359.711	1.537.124.719
Chi trong kỳ/ năm	(172.770.000)	(310.765.008)
Số dư cuối kỳ/ năm	**1.053.589.711**	**1.226.359.711**

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	186.445.000.000	11.238.309.719	(25 358.156 658)	172 325 153.061
Lỗ trong 6 tháng đầu năm 2015	-	-	(1.774.982.976)	(1.774.982.976)
Số dư tại ngày 30/06/2015	**186.445.000.000**	**11.238.309.719**	**(27.133.139.634)**	**170.550.170.085**
Lãi trong 6 tháng cuối năm 2015	-	-	6.607.773.722	6.607.773.722
Số dư tại ngày 01/01/2016	**186.445.000.000**	**11.238.309.719**	**(20.525.365.912)**	**177.157.943.807**
Lỗ trong 6 tháng đầu năm 2016	-	-	(458.420.814)	(458.420.814)
Số dư tại ngày 30/06/2016	**186.445.000.000**	**11.238.309.719**	**(20.983.786.726)**	**176.699.522.993**

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ:	186.445.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó:

Cổ đông	**30/06/2016**		**01/01/2016**	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (đại diện bởi Ông Trần Tuấn Việt – Tổng Giám đốc)	109.784 000.000	58,88	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12	76.661.000.000	41,12
	186.445.000.000	**100,00**	**186.445.000.000**	**100,00**

5.19.3 Cổ phiếu

	30/06/2016	**01/01/2016**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	*18.644.500*	*18.644.500*
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644 500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	*18.644.500*	*18.644.500*
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu - hàng hóa	13.490.016.754	14.336.044 798
Doanh thu - dịch vụ	48.230.252.589	39.697.930.435
Doanh thu thuần	**61.720.269.343**	**54.033.975.233**

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Giá vốn - hàng hóa	8.289.413.969	8.337.533.776
Giá vốn - dịch vụ	22.620.951.557	14.779.096.842
	30.910.365.526	**23.116.630.618**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	178.785 141	92.851 513
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.928.010	327.065.162
Lãi chuyển nhượng quyền mua chứng khoán	1.029.704.400	-
Lãi cho vay	111.505.556	27.150 000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.526.775	-
	1.473.449.882	**447.066.675**

6.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	275.996.387	203.083.118
Lỗ chênh lệch tỷ giá	635.040	-
Chi phí tài chính khác	143.340.358	-
	419.971.785	**203.083.118**

6.5 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	5 351.952.206	5 179.462.437
Chi phí bán hàng khác	7 603.690.151	7.363.037 991
	12.955.642.357	**12.542.500.428**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	6.590.000.558	6.593 347.022
Chi phí thuê đất	5.364.658.745	4.115.770.527
Chi phí quản lý khác	8.200.630.891	10.072.010.449
	20.155.290.194	**20.781.127.998**

6.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	378 332.742	-
Thu cho thuê mặt bằng	449.637 733	381.135.092
Thu nhập khác	9.856.510	21.587 129
	837.826.985	**402.722.221**

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.159.404.053	1.116 089.142
Chi phí nhân công	20.286.734.324	14.995 894.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3 770.006 418	3.407.865 862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.083.628.814	3 364.681.991
Chi phí khác bằng tiền	11.994.935.514	10.439.096.834
	44.294.709.123	**33.323.628.426**

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Các khoản vay và nợ thuê TC	1 535.252.676	3.687.013.600	14.052 342.613	19.274.608 889
Phải trả người bán	5.045.874.929	-	-	5.045.874.929
Phải trả khác và chi phí phải trả	20.255.433.986	11.408.170.917	-	31.663.604.903
	26.836.561.591	**15.095.184.517**	**14.052.342.613**	**55.984.088.721**
Tại ngày 31/12/2015				
Các khoản vay và nợ thuê TC	2.149.000.000	3.687 013.600	14.052.342.613	19.888.356.213
Phải trả người bán	3.155.018.431	-	-	3.155 018.431
Phải trả khác và chi phí phải trả	15.251.031.671	16.014.471 392	-	31.265.503.063
	20.555.050.102	**19.701.484.992**	**14.052.342.613**	**54.308.877.707**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản tài chính				
Chứng khoán kinh doanh	6.052 372.777	6 052.372.777	6.052 372.777	6 052.372.777
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.100.000.000	1.100.000.000	2.100.000.000	1.100.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	12.562.161.930	7.952.296.445	12.562.161.930	7.952.296.445
Phải thu về cho vay	7.700.000.000	3.200.000.000	7 700.000.000	3.200.000 000
Phải thu khác	5.879.011.974	8.406.875.591	5.879.011.974	8.406.875.591
Tài sản tài chính dài hạn	63.682.835.691	60.812.545.691	63.682.835.691	60.812.545.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.071.569.247	14.804.313 659	10.071.569.247	14.804.313.659
Tổng cộng	**108.047.951.619**	**102.328.404.163**	**108.047.951.619**	**102.328.404.163**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ thuê tài chính	19.274.608.889	19.888.356.213	19.274.608.889	19.888.356.213
Phải trả người bán	5.045.874.929	3.155.018.431	5.045.874.929	3.155.018.431
Phải trả khác và chi phí phải trả	31.663.604.903	31.265.503.063	31.663.604.903	31.265.503.063
Tổng cộng	**55.984.088.721**	**54.308.877.707**	**55.984.088.721**	**54.308.877.707**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp tài sản của mình cho các khoản vay (Xem thuyết minh số 5.10 và 5.17).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác (Xem thuyết minh số 5.16).

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên chủ chốt

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác. Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên chủ chốt (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tiền lương, tiền thưởng	563.458.583	645.644.901
Thù lao	-	344.600.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Góp vốn	-	9.295.840.000
	Cho vay	4.500.000.000	2.000.000 000
	Lãi cho vay	111.505.556	27.150.000
	Chi hộ	5.289.000	-
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Cổ tức được chia	150.928.010	327.065 162
	Thu ứng khấu hao	48.359.305	
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Góp vốn	651 929.593	-
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đam	Góp vốn	-	20.000.000

Số dư phải thu/ (phải trả) giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Phải thu về cho vay	7.700.000.000	3 200.000.000
	Phải thu khác	116.802.905	122.554.339
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Phải thu khác	-	1 693.304.366
	Phải trả khác	(1.775.018.199)	-
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Phải thu khác	-	157.934.109
	Phải trả khác	(4.857.922.480)	(4.760.985.087)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Phải thu khách hàng	107.732.930	107.732.930

8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	**NGUYỄN TẤN ĐẠT**	**TRẦN TUẤN VIỆT**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2016